TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26 /2019/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 14 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn Thành L, sinh năm: 1985

Và bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm: 1987

Cùng địa chỉ: số 21 đường Th, phường Tr, quận L, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Thành L và bà Trần Thị Mỹ H kết hôn với nhau vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra lời qua tiếng lại, vợ chồng không quan tâm lẫn nhau, sống không có hạnh phúc nên ông L và bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông L và bà H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông L và bà H sống không có hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông L và bà H là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về quan hệ con chung*: Ông L và bà H xác nhận có 01 con chung tên Nguyễn Trần Bảo Ng, sinh ngày 12/5/2013. Ly hôn, ông L và bà H thỏa thuận với nhau về việc nuôi dưỡng con chung như sau: Bà H nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 02/2019. Thời gian cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 hàng tháng.

Xét thấy, sự thỏa thuận của ông L và bà H là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông L và bà H xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thành L và bà Trần Thị Mỹ H.

- *Về con chung*: Bà Trần Thị Mỹ H nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Bảo Ng, sinh ngày 12/5/2013. Ông Nguyễn Thành L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 02/2019. Thời gian cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Thành L và bà Trần Thị Mỹ H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông L và bà H đã nộp tại biên lai thu số 0005587 ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông L và bà H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện KSND quận Cẩm Lệ;
- UBND p. Khuê Trung, q. Cẩm Lệ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lệ Hằng